

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày 29-01-2018
V/v: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Toàn.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Chung.
2. Bà Trần Thị Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh tham gia phiên tòa:
Bà My La – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2017/QĐXX- HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Hồng V, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số nhà 947, đường T, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc Anh G, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số nhà 27, thôn Ph, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Chị V có mặt, anh G vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, chị V trình bày:

Chị và anh G tự nguyện kết hôn với nhau năm 2001, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên sống không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, chửi bới xúc phạm nhau, anh G không chịu lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, không quan tâm chăm sóc vợ con. Từ tháng 7 năm 2016 đến nay đã sống ly thân. Hiện nay tình cảm giữa hai bên không còn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị và anh G có hai con chung tên là Nguyễn Ngọc Anh K, sinh ngày 24-01-2002 và Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 31-10-2004. Hiện hai con chung đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh G tự nguyện thỏa thuận chia tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản cho vay chung không có. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Về tài sản nợ chung: Vợ chồng nợ Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh D- Phòng giao dịch G số tiền gốc 100.000.000 đồng đã trả gốc được 40.000.000 đồng đến ngày 26-10-2017 còn nợ tiền gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Đến ngày 01-11-2017 đã trả gốc và lãi xong không còn dư nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai, anh G trình bày: Công nhận lời trình bày của bà V về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản như trên là đúng. Theo anh nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu là do vấn đề kinh tế, do tính mỗi người sống không hợp nhau. Từ tháng 7 năm 2016 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị V yêu cầu xin ly hôn thì anh không muốn ly hôn do tình cảm vợ chồng vẫn còn vì không muốn gia đình đổ vỡ.

Về con chung anh và chị V có hai con chung tên là Nguyễn Ngọc A Kiệt, sinh ngày 24-01-2002 và Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 31-10-2004. Hiện nay con chung đang ở với chị V. Nếu chị V cương quyết ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị V tự nguyện thỏa thuận chia tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản cho vay chung không có. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Về tài sản nợ chung: Vợ chồng nợ Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh D- Phòng giao dịch G số tiền gốc 100.000.000 đồng đã trả gốc được 40.000.000 đồng đến ngày 26-10-2017 còn nợ tiền gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Nếu chị V yêu cầu xin ly hôn anh thỏa thuận với chị V về việc trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, anh G vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh G tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2001, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Hai bên chung sống hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị V trình bày là do hai bên sống không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, chửi bới xúc phạm nhau, anh G không chịu lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, không quan tâm chăm sóc vợ con, còn anh G trình bày nguyên nhân chủ yếu là do mâu thuẫn về kinh tế.

Xét thấy chị V và anh G đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2016 đến nay. Trong thời gian ly thân giữa chị V và anh G không có hành động tích cực để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên Tòa chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cương quyết xin ly hôn với anh G. Qua xác minh tại địa phương thì chị V, anh G có mâu thuẫn và đã không còn chung sống với nhau. Như vậy mâu thuẫn giữa chị V và anh G đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị V và anh G được ly hôn là phù hợp.

-Về con chung: Chị V và anh G có hai con chung tên là Nguyễn Ngọc Anh K, sinh ngày 24 tháng 01 năm 2002 và Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2004, hiện đang sống với chị V. Khi ly hôn chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh G có nghĩa vụ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét quyền lợi mọi mặt của con, khả năng nuôi dưỡng của các bên. Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao hai con chung Nguyễn Ngọc Anh K, sinh ngày 24 tháng 01 năm 2002 và Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2004 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản là phù hợp.

-Về tài sản: Tài sản chung: Chị V và anh G tự nguyện thỏa thuận chia tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết; Tài sản cho vay chung không có; Tài sản nợ chung: Chị V và anh G nợ Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh D- Phòng giao dịch G số tiền gốc 100.000.000 đồng đã trả gốc được 40.000.000 đồng đến ngày 26-10-2017 còn nợ tiền gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Đến ngày 01-11-2017 đã trả gốc và lãi xong không còn dư nợ nên hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

-Về án phí: Căn cứ Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án. Chị V phải chịu 300.000đ án phí DSST xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147 khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Hồng V và anh Nguyễn Ngọc Anh G được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Anh K, sinh ngày 24 tháng 01 năm 2002 và Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2004 cho chị Huỳnh Thị Hồng V trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Ngọc Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn và thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị V chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0002998 ngày 02-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh. (Chị V đã nộp đủ án phí).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, các đương sự có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với anh G vắng mặt tại phiên Tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Đương sự;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Toàn